

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến:

Trong các môn học ở tiểu học, Tiếng Việt là một trong những môn học quan trọng và cần thiết nhất. Bên cạnh việc học toán để phát triển tư duy logic cho con, việc học tiếng Việt sẽ giúp các con hình và phát triển tư duy ngôn ngữ. Thông qua môn Tiếng Việt, các con sẽ được học cách giao tiếp, truyền đạt tư tưởng, bộc lộ tình cảm, tính cách. Việc học Tiếng Việt ở bậc tiểu học sẽ tạo nền tảng cho trẻ trong việc phát triển tư duy ngôn ngữ, biểu hiện qua việc trẻ đọc thông thạo và hiểu đúng ý nghĩa một văn bản ngắn; nghe - nói chủ động, nói rành mạch; viết rõ ràng, đúng chính tả. Ngoài ra, Tiếng Việt ở bậc tiểu học còn hướng đến việc hình thành kỹ năng sống cần thiết cho trẻ. Những kỹ năng đó chủ yếu là: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng suy nghĩ sáng tạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm chủ bản thân,... Thông qua các kỹ năng này, trẻ nhận biết được những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống, biết tự nhìn nhận đánh giá đúng về bản thân để tự tin, tự trọng và không ngừng vươn lên trong học tập cũng như cuộc sống.

Trong chương trình môn Tiếng Việt ở lớp 2, viết đoạn văn có vai trò vô cùng quan trọng. Để viết được một đoạn văn, học sinh phải hoàn thiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, phải vận dụng các hiểu biết kiến thức về Tiếng Việt. Trong quá trình vận dụng này, các kỹ năng và kiến thức đó được hoàn thiện và nâng cao dần. Kỹ năng viết đoạn văn thực hiện mục tiêu quan trọng nhất của dạy học là dạy học sinh sử dụng Tiếng Việt để giao tiếp, tư duy, học tập. Viết đoạn văn giúp cho học sinh phát triển tư duy logic, có sự hiểu biết, có tình cảm yêu mến, gắn bó với thiên nhiên, gắn bó với con người và vạn vật xung quanh. Từ đó, tâm hồn và nhân cách của các em sẽ được hình thành và phát triển. Việc dạy cho học sinh cách viết và trình bày một đoạn văn ngắn rất quan trọng, nó góp phần giúp cho học sinh học khả năng viết bài văn tốt hơn ở các lớp trên.

Ở lớp Một, thông qua môn Tiếng Việt học âm, vần, học sinh được luyện nói từng câu ngắn, được tập kể lại câu chuyện. Tuy nhiên, do vốn từ của các em còn ít nên việc diễn đạt còn rời rạc. Để giúp các em có kỹ năng viết đoạn văn, tôi đã nghiên cứu và áp dụng thành công sáng kiến: *“Một số giải pháp rèn kỹ năng viết đoạn văn cho học sinh lớp 2.”*

2. Mục tiêu của sáng kiến:

- Đánh giá thực trạng việc học môn tiếng Việt của học sinh lớp 2, đánh giá kỹ năng viết đoạn văn của các em để tìm những giải pháp hiệu quả.
- Đề xuất một số giải pháp rèn kỹ năng viết đoạn văn cho học sinh lớp 2, giúp các em có kỹ năng viết đoạn văn, làm tiền đề cho viết bài văn ở các lớp trên.
- Chia sẻ một số kinh nghiệm của bản thân với đồng nghiệp trong việc rèn kỹ năng viết đoạn văn cho học sinh lớp 2.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

- *Thời gian nghiên cứu:* Năm học 2022 – 2023.
- *Đối tượng nghiên cứu:* Giải pháp rèn kỹ năng viết đoạn văn cho học sinh lớp 2, trường Tiểu học Phú Phương.
- *Phạm vi nghiên cứu:*
 - + Lĩnh vực nghiên cứu: Phương pháp dạy học ở Tiểu học
 - + Địa bàn nghiên cứu: trường Tiểu học Phú Phương, huyện Ba Vì
 - + Đối tượng khảo sát và thực nghiệm: học sinh khối 2 trường Tiểu học Phú Phương, huyện Ba Vì.

II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng vấn đề:

Về nội dung chương trình: Dạy học Tiếng Việt giúp các em hình thành bốn kỹ năng cơ bản: đọc, viết, nói và nghe. Kỹ năng viết đoạn văn trong môn Tiếng Việt hội đủ bốn kỹ năng trên. Đối với học sinh lớp 2 thì đây là một nội dung khó, bởi ở lứa tuổi của các em nhất vốn từ còn ít nên việc diễn đạt ngôn ngữ của các em còn hạn chế. Để viết được một đoạn văn hay, học sinh cần phải huy động các kiến thức về đọc, kiến thức về từ và câu, về vốn hiểu biết... Bởi vậy đòi hỏi các em không những biết tổng hợp các kiến thức đã được học mà còn mang tính hiện thực sáng tạo vì một bài viết cần thể hiện sự suy nghĩ, tư duy của cá nhân, là tác phẩm không trùng lặp của mỗi học sinh.

Tiếng Việt lớp 2 được biên soạn dựa trên quan điểm dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên và gần gũi với đời sống; chú trọng khai thác vốn tiếng Việt mà học sinh sử dụng hằng ngày để phát huy hiệu quả dạy học ngôn ngữ trong nhà trường. Các kỹ năng đọc, viết nói và nghe được thiết kế theo cách kết nối và tích hợp chặt chẽ trong một bài học. Học sinh đọc văn bản, sau đó các em viết, nói và nghe đều dựa trên những nội dung được gọi ra từ văn bản vừa đọc. Ở các bài đọc còn yêu cầu viết đoạn (4 -5 câu) có định hướng kiểu loại (biểu cảm, thuyết minh, tả,

thuật sự việc) nên sự kết nối giữa các bài đọc với nhau và giữa nội dung bài đọc với hoạt động viết được tính toán kỹ lưỡng và công dụng. Trong sách tiếng Việt lớp 2, người đọc không tìm thấy các “phân môn” mà chỉ nhìn thấy các hoạt động giao tiếp. Việc tích hợp này giúp cho hoạt động dạy học ngôn ngữ gần với giao tiếp thực tế. Ngoài viết 1 -2 câu ở tất cả các bài nhỏ (theo văn bản), cuối mỗi bài lớn (theo chủ điểm) đều có hoạt động viết đoạn văn ngắn (4-5 câu). Để viết được đoạn văn ngắn, học sinh phải được tích lũy hiểu biết, trải nghiệm từ nội dung của các bài đọc và của các hoạt động nói và nghe xung quanh những ý tưởng, thông tin được gợi ra từ bài đọc. Mặt khác, các em cũng cần được trang bị kiến thức tiếng Việt và thực hành các bài tập về chính tả, từ ngữ, câu. Đó như là một công cụ giúp các em viết đoạn văn ở cuối mỗi bài lớn. Bằng cách đó, học sinh được chuẩn bị tốt cho việc rèn kỹ năng viết.

Về phía giáo viên: Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tiếng Việt ở lớp 2 được xây dựng chiếm nhiều thời lượng nhất (gồm 350 tiết/năm, với 10 tiết/tuần). Giáo viên đã tập huấn về việc thực hiện chương trình. Nhiều giáo viên đã tích cực học tập, tự bồi dưỡng, có sáng tạo trong quá trình dạy học. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn e ngại không dám đổi mới, chưa dám thoát li sách giáo khoa, sách giáo viên. Việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học ở một bộ phận giáo viên chưa thực sự được chú trọng. Vẫn còn tình trạng giáo viên tổ chức dạy học theo phương pháp truyền thống, nặng về truyền thụ kiến thức một chiều, giáo viên đặt câu hỏi - học sinh trả lời, chưa chú trọng đến việc tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, chưa tổ chức nhóm cho các em trao đổi, thảo luận. Một số giáo viên còn dạy theo hình thức bài viết mẫu ... Những cách làm đó không phát huy được tính sáng tạo của học sinh.

Về phía học sinh: Ở lớp 1, học sinh chỉ dừng lại ở mức độ tập nói hoặc viết câu đơn giản. Lên lớp 2, các em phải viết đoạn từ 2 – 3 câu rồi cao hơn 4 – 5 câu. Vì vốn hiểu biết về tiếng Việt của các em còn hạn chế nên thường nghĩ sao viết vậy, không theo trật tự logic, câu văn chưa rõ nghĩa, các em gặp khó khăn khi lựa chọn từ ngữ, cách sắp xếp các ý. Việc vận dụng từ ngữ để đặt câu, tạo đoạn còn chưa linh hoạt, các ý chưa được sắp xếp logic. Thậm chí các em sử dụng dấu câu chưa hợp lý trong quá trình viết đoạn văn.

học tập của lớp 2C (lớp thực nghiệm) và lớp 2A, 2B (lớp đối chứng)

Qua thực tế giảng dạy ở lớp 2 những năm học trước tôi nhận thấy nhiều học sinh kỹ năng nói, viết kém. Do các em đọc ngọng, phát âm sai dẫn đến viết

sai chính tả, kĩ năng nói kém nên viết câu văn chưa rõ ý, viết đoạn văn lủng củng. Ngay khi mới nhận lớp, tôi đã ôn tập cho học sinh và khảo sát kết quả để tìm hiểu khó khăn của học sinh gặp phải.

(Xem thêm *Minh chứng 1*)

Kết quả khảo sát về học tập cho thấy học sinh hoàn thành tốt rất ít, tỉ lệ học sinh đạt hoàn thành còn nhiều, vẫn còn học sinh đạt điểm yếu đồng nghĩa với mức chưa hoàn thành. Kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe của các em chưa tốt. Nhiều em viết sai chính tả, viết câu lủng củng, câu chưa rõ nghĩa, viết đoạn văn rời rạc...

Đặc điểm học sinh tiểu học nhanh nhớ, nhanh quên. Nghỉ hè các em vui chơi thỏa thích, những em hạn chế về năng lực nhận thức thì rất mau quên kiến thức. Từ thực tế đó, để khắc phục tình trạng trên tôi xin trình bày *Một số giải pháp rèn kĩ năng viết đoạn văn cho học sinh lớp 2*.

2. Giải pháp thực hiện :

Giải pháp 1: Phân loại đối tượng học sinh

Tôi sử dụng phương pháp quan sát, thu thập thông tin, khảo sát kết quả học tập của học sinh. Tôi phân thành 3 nhóm đối tượng sau:

- Nhóm thường mắc lỗi đọc phát âm sai, đọc chưa thạo.
- Nhóm thường mắc lỗi về dùng từ đặt câu.
- Nhóm thường mắc lỗi về kĩ năng diễn đạt.

Từ việc nắm bắt tình hình học sinh, trên cơ sở đó để xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp, đề ra hướng giải quyết giúp đỡ học sinh:

- + Rèn cho học sinh có thói quen trả lời thành câu khi trả lời câu hỏi.
- + Rèn đọc cho những em đọc chưa thành thạo vào các giờ đọc văn bản vào thời gian truy bài trước giờ vào học, thời gian ngoài giờ lên lớp.
- + Xếp chỗ ngồi sao cho mỗi bàn có 1 học sinh học tốt và 1 bạn đọc kém để sửa lỗi về đọc cho bạn trong các giờ đọc văn bản.
- + Tổ chức cho học sinh học theo nhóm để các em giúp đỡ lẫn nhau, động viên những em có câu trả lời hay, rõ nghĩa.
- + Đưa ra những câu hỏi từ dễ đến khó để học sinh có thể trả lời được nhằm tạo hứng thú và củng cố niềm tin ở các em.
- + Thường xuyên kiểm tra học sinh trong quá trình dạy học.

Việc phân loại học sinh sẽ giúp giáo viên biết mức độ kiến thức của các em đến mức nào để có biện pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng.

Giải pháp 2: Rèn kĩ năng dùng từ, viết câu:

*** Rèn kĩ năng nói thành câu:**

Muốn viết thành câu thì cần rèn các em thói thành câu. Khi nói thành câu thì người nghe mới hiểu được người nói đó muốn nói gì. Vì vậy, tôi chú trọng việc rèn học sinh trả lời thành câu. Ở lớp 2 chưa nêu khái niệm câu và thành phần của câu nhưng thông qua hướng dẫn HS thực hành và sửa lỗi câu cho các em, GV cần giúp HS cảm nhận được thế nào là câu và thế nào chưa phải là câu để các em viết đúng và biết sửa lỗi. Nếu các em trả lời chưa thành câu thì giáo viên cần sửa ngay, yêu cầu các em nói lại cho thành câu.

Ví dụ: Bài đọc: *Tôi là học sinh lớp 2*, khi trả lời câu hỏi: *Bạn ấy nhận ra mình thay đổi như thế nào khi lên lớp 2?* Nếu HS trả lời là: *"lớn bổng lên"* thì giáo viên cần cho các bạn nhận xét câu trả lời của bạn và sửa lại cho bạn. Giáo viên cần giải thích cho học sinh hiểu: Nếu em nói như vậy thì người nghe chưa hiểu **Ai lớn bổng lên?** Em trả lời như vậy là chưa thành câu, em cần trả lời : *"Bạn ấy nhận ra mình lớn bổng lên."*. Còn khi trả lời với cô, em cần thêm từ: *"ạ"* để thể hiện lễ phép.

Hoặc khi học bài: *Cây xấu hổ*. Giáo viên hướng dẫn học sinh nói tiếp lời của cây xấu hổ để thành câu: *Mình rất tiếc (...)*.

Giáo viên cần chú trọng rèn cho học sinh kĩ năng dùng từ đặt câu. Trong các giờ đọc, ở phần giải nghĩa từ, khi học sinh đã hiểu được nghĩa của từ, giáo viên cần cho học sinh đặt câu với từ đó. Qua cách làm đó, học sinh sẽ hiểu thế nào là câu và sẽ có kĩ năng viết câu.

*** Rèn kĩ năng viết thành câu:**

Để có kĩ năng viết câu, giáo viên cần đưa ra các dạng bài tập khác nhau để học sinh thực hành viết câu:

+ **Dạng 1:** *Điền thêm từ để thành câu:*

Ví dụ: *Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để thành câu:*

- a) Chú chim ...
- b) Ông mặt trời ...
- c) ... treo trên tường nhà em rất đẹp.
- d) An luôn ... với các bạn
- e) Mấy ... thi nhau ca hát trên cành.

+ **Dạng 2:** *Sắp xếp các từ ngữ cho trước để thành câu hoàn chỉnh*

Ví dụ: *Sắp xếp các từ ngữ dưới đây thành câu hoàn chỉnh:*

- a) chú gấu bông/ mềm mại/ rất.
- b) những miếng ghép/ sặc sỡ/ có nhiều màu sắc/ lê-gô

c) nhà cửa/ giúp/ mẹ/ quét dọn/ Hùng

+ **Dạng 3:** Lựa chọn từ ngữ thích hợp cho câu

Để có đoạn văn hay, các em phải có vốn từ ngữ phong phú. Mà vốn từ đó, có em tích lũy khá nhiều nhưng chưa biết vận dụng, có em thì có rất ít hoặc có em lại chưa hề có. Bởi vậy, luyện tập thực hành sẽ giúp các em có kỹ năng sử dụng từ, viết câu. Giáo viên trau dồi vốn từ cho các em bằng cách đưa ra các dạng bài tập để các em thực hành.

Ví dụ: Chọn các từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm để hoàn thành đoạn văn sau:

Chiều qua, em đã giúp mẹ nhặt rau để chuẩn bị ... (bữa sáng/bữa trưa/bữa tối). Đầu tiên em ngắt từng ngọn rau muống ra khỏi ... (phần thân/phần gốc/phần lá). Em chú ý nhặt phần non của rau để ăn cho ngon. Cuối cùng là đem rau đi ... (cắt gọn/rửa sạch/nấu chín) với nước rồi vẩy cho ráo nước.

Giáo viên yêu cầu học sinh có thói quen quan sát những sự vật hiện tượng xung quanh để ghi nhận lại hình ảnh, từ ngữ và sử dụng khi cần thiết. Giáo viên có thể cho các em chơi trò chơi thi đua tìm từ ngữ các em sẽ rất hứng thú và tìm được rất nhiều từ.

Ví dụ: Tìm từ chỉ đặc điểm của hoa phượng, học sinh sẽ tìm được các từ: *đỏ rực, đỏ thắm, đỏ tươi, ...* hoặc hoa phượng màu vàng *rực, vàng tươi, ...*

- Trong các tiết *Đọc*, giáo viên chú trọng việc tìm các từ ngữ, hình ảnh mà em thích trong bài đọc. Ngoài ra, giáo viên khuyến khích học sinh đọc thêm các văn bản đọc ngoài sách giáo khoa. Việc đọc giúp các em học được những câu văn hay những từ ngữ gợi tả, gợi cảm để vận dụng viết văn.

- Để mở rộng vốn từ cho học sinh, giáo viên cần hướng dẫn các em lựa chọn các từ cũng nghĩa hoặc từ ngữ gợi tả, gợi cảm.

Ví dụ: Tìm các từ tả ánh nắng mặt trời mùa hè?

Giáo viên cho học sinh thảo luận và đề các em tìm như: *chói chang, gay gắt, ...*

Hoặc tả mặt trời học sinh tìm được các từ: *đỏ rực, như mâm lửa khổng lồ, như quả cầu lửa, ...*

Hoặc viết về *buổi sáng* ta có thể dùng các từ ngữ: *bình minh, sớm mai, bình minh.*

*** Rèn kỹ năng viết câu sáng tạo:**

Khi các em đã biết viết câu thành thạo thì cần rèn viết câu sáng tạo. Để có câu văn hay, giáo viên cần hướng dẫn học sinh dùng từ chính xác, biết sử dụng

các từ ngữ có hình ảnh, gợi tả, gợi cảm, từ gợi cảm xúc để viết câu. Việc nhận biết các từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động, chỉ đặc điểm; phân biệt được câu giới thiệu, câu nêu hoạt động và câu nêu đặc điểm cũng sẽ giúp cho học sinh viết câu văn hay hơn. Với cùng một nội dung thông báo song với mỗi cách viết lại có một cách diễn tả khác nhau.

Ví dụ: Đặt câu nêu đặc điểm mái tóc của bà em.

Nếu học sinh đặt câu: - *Mái tóc bà em đã bạc.*

GV có thể gợi mở: *Mái tóc bà bạc như thế nào? em có thể dùng từ nào để miêu tả mái tóc bạc? (bạc phơ, hoa râm, bạc trắng như cước, ...)*

Giáo viên sẽ cho học sinh nhận xét: *Nếu ta thay từ "bạc" bằng các từ trên thì câu nào sẽ hay hơn Vì sao?*

Học sinh chắc chắn sẽ chọn các từ trên vì câu văn đã miêu tả mái tóc bạc của bà rõ nét hơn. GV cho các bài tập vận dụng để rèn cách viết câu văn hay:

Ví dụ: Thay các từ gạch chân sau bằng các từ hay hơn:

+ Chiếc ô tô chạy rất nhanh.

+ Búp bê mặc chiếc váy rất đẹp.

Học sinh có thể thay từ rất nhanh bằng từ *bon bon*, ; thay từ mặc bằng từ *khoác, diện*; thay từ rất bằng từ *tuyệt*....

→ + Chiếc ô tô chạy *bon bon*.

+ Búp bê diện chiếc váy *tuyệt đẹp*!

Với cách làm đó, học sinh có thể viết được các câu văn khác, gợi tả, gợi cảm chẳng hạn:

+ Búp bê có mái tóc *vàng óng*.

+ Gấu bông to *khoác* trên mình *chiếc* áo màu trắng tinh.

+ Chiếc mũi hếch lên trông *dễ thương* làm sao!

+ Chúng em đứng lên chào cô rồi ủa ra sân *như đàn chim sổ lồng*.

Để giúp học sinh viết được câu văn hay, giáo viên cần chú trọng khai thác kĩ nội dung đọc hiểu qua văn bản:

Ví dụ bài 8: Lũy tre

+ GV đặt câu hỏi: *Em thấy bài thơ tả lũy tre có câu thơ nào hay? Vì sao em thấy hay?*

+ Cho HS thảo luận nhóm 4, đọc, tìm và nêu cảm nhận của mình.

+ Cho HS nối tiếp nhau chia sẻ trước lớp. Qua đó luyện kĩ năng nói cho HS.

"Tre bần thần nhớ gió." Câu thơ giàu cảm xúc vì tác giả đã sử dụng từ chỉ cảm xúc *bần thần, nhớ* để diễn tả lũy tre những ngày không có gió. Câu thơ cho ta thấy tre cũng giống con người. Giáo viên cần nhấn mạnh cách dùng

những từ tả cảm xúc của người để nói về sự vật đã góp phần làm nên cái hay của bài thơ. Từ đó học sinh có thể viết được những câu sáng tạo.

Kết luận: Có kĩ năng sử dụng từ các em sẽ viết được câu đúng ngữ pháp, diễn đạt giữa các ý trong câu logic, câu có hình ảnh. Đó là tiền đề giúp các em viết đoạn văn hay.

Giải pháp 3: Rèn kĩ năng sử dụng các kiểu câu:

Để viết được đoạn văn hay, học sinh cần hiểu và biết vận dụng các kiểu câu giới thiệu, câu nêu đặc điểm, câu nêu hoạt động một cách hợp lí.

Ví dụ: Đặt 1 câu giới thiệu đồ chơi mà em yêu thích.

Giáo viên cho học sinh nối tiếp nói câu giới thiệu, chẳng hạn:

1. Chiếc ô tô là món đồ chơi mẹ tặng em nhân dịp sinh nhật lần thứ sáu.
2. Chiếc ô tô chạy rất nhanh.
3. Em rất thích chiếc ô tô này.

GV gọi HS khác nhận xét câu của các bạn vừa đặt. Các em sẽ nhận ra câu 1 là giới thiệu, câu 2 là câu nêu hoạt động, câu 3 là câu nêu đặc điểm.

Hướng dẫn các em ghi nhớ:

+ *Câu giới thiệu*: dùng để giới thiệu, nhận xét về con người, sự vật, sự việc nào đó. Vế 1 trong câu trả lời cho câu hỏi Ai? – cái gì? Con gì?. Vế 2 trong câu thường có từ “là” + từ chỉ sự vật. (Vế 2 trả lời cho câu hỏi là gì?)

+ *Câu nêu hoạt động*: dùng để kể về hành động, hoạt động của con người, sự vật, sự việc. Vế 1 trong câu trả lời cho câu hỏi Ai? – cái gì? Con gì?. Vế 2 trong câu thường trả lời cho câu hỏi làm gì? (là từ chỉ hoạt động).

+ *Câu nêu đặc điểm*: dùng để miêu tả đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của người, vật. Vế 1 trong câu trả lời cho câu hỏi Ai? – cái gì? Con gì?. Vế 2 trong câu trả lời cho câu hỏi thế nào? (là các từ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái).

Tôi thường cho các bài tập lựa chọn để học sinh vận dụng kiến thức đã học vào tình huống thực tế, khắc sâu kiến thức đã học.

Ví dụ: Chọn câu giới thiệu chú gấu bông trong các câu sau đây:

- a) Chú gấu bông đẹp quá!
- b) Chú gấu giúp em ngủ ngon hơn.
- c) Nhân dịp sinh nhật, bố mẹ tặng em một chú gấu bông.
- d) Bộ lông chú mịn như nhung.

Hoặc: Chọn câu miêu tả các bộ phận của chiếc xe đồ chơi:

- a) Bà đã tặng em chiếc ô tô cằn cằn này.
- b) Chiếc ô tô trông rất chắc chắn.

- c) Chiếc ô tô cần cầu có nhiều bộ phận: đầu xe, thân xe, bánh xe và cần cầu.
d) Em rất thích chiếc ô tô này.

Khi đã nhận biết được các kiểu câu, giáo viên cần hướng dẫn để các em biết vận dụng khi viết đoạn văn. Chẳng hạn: Mở đầu dạng bài giới thiệu một đồ vật hoặc tả một đồ vật ta thường dùng câu giới thiệu. Các câu tiếp theo của đoạn văn ta thường dùng câu nêu đặc điểm, câu nêu hoạt động. Có như vậy các câu trong đoạn văn mới logic.

Giải pháp 4: Rèn kĩ năng sử dụng các dấu câu

Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết. Tác dụng của nó là làm rõ trên mặt chữ viết một cấu tạo ngữ pháp, bằng cách chỉ ranh giới giữa các câu, giữa các thành phần của câu. Dấu câu tiếng Việt không chỉ là một phương tiện ngữ pháp mà còn là một công cụ để biểu thị sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, tư tưởng, cảm xúc và thái độ của người viết. Dấu câu được sử dụng đúng cách giúp người đọc hiểu rõ và nhanh chóng bài viết. Ngược lại, việc không sử dụng hoặc sử dụng sai dấu câu có thể gây hiểu lầm và làm sai ngữ pháp, ngữ nghĩa. Vì vậy, luật dấu câu cần được áp dụng một cách nghiêm túc. Ở lớp 2 các em được học các dấu câu cơ bản như: dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than. Nhưng khi chuyển sang ngôn ngữ viết các em thường quên viết dấu câu. Sách giáo khoa tiếng Việt lớp 2 không có nội dung riêng đề cập đến cách sử dụng các dấu câu. Vì vậy, giáo viên cần khai thác tác dụng của dấu câu và cách sử dụng dấu câu thông qua các văn bản đọc. Có như vậy mới giúp học sinh hiểu và biết sử dụng dấu câu thích hợp. Với học sinh lớp 2, giáo viên cần giúp học sinh ghi nhớ:

+ *Dấu chấm* đặt ở cuối câu kể, báo hiệu câu đã kết thúc, giúp người đọc biết câu chuyện chuyển sang một vấn đề khác. Sau dấu chấm ta phải viết hoa chữ cái đầu tiên của câu tiếp theo.

Ví dụ: Đặt câu với từ: *mềm mại, đỏ thắm*

- *Chú gấu có bộ lông mềm mại.*
- *Hoa phượng nở đỏ rực.*

Ví dụ: Kể các đồ dùng học tập của em.

Nếu học sinh viết: *Đồ dùng học tập của em gồm bút mực bút chì tẩy thước.*
GV cần cho học sinh đọc lại câu đó và hướng dẫn: trong câu này ta cần dùng dấu phẩy để ngăn cách tên các đồ dùng học tập và cần viết như sau: *Đồ dùng học tập của em gồm bút mực, bút chì, tẩy, thước.* Yêu cầu HS cần ghi nhớ:

+ *Dấu phẩy* dùng để tách các bộ phận cùng loại trong câu, hoặc tách bộ phận phụ với nòng cốt câu, tách các vế trong câu ghép (với HS lớp 2, nội

dung này GV cần nói rõ: tách phụ phận đứng ở đầu câu, trả lời cho câu hỏi: Ở đâu? Bao giờ?...). Dấu phẩy được đặt xen kẽ trong câu, một câu có thể sử dụng một hoặc nhiều dấu phẩy. Dấu phẩy giúp cho các ý, các phần trong câu được phân cách rõ ràng.

Ví dụ: - Trên cành cây, chim hót líu lo.

- Đứng đông, ông mặt trời nhô lên đỏ rực.

+ Câu hỏi dùng để hỏi về những thông tin chúng ta chưa biết, cuối câu hỏi đặt dấu chấm hỏi (?). Cuối câu thường có từ: *chưa, nào, gì,*

Ví dụ: - Bạn tên là gì?

- Bạn học trường nào?

- Cháu ăn cơm chưa?

+ Dấu chấm than dùng để kết thúc những câu bộc lộ thái độ, cảm xúc và câu thể hiện lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị. Ngoài ra dấu chấm than còn sử dụng để: kết thúc câu gọi hoặc câu đáp, tỏ thái độ mỉa mai hay ngạc nhiên đối với sự kiện vừa nêu, cuối câu thường có từ: *nhé, lắm, quá, ...*

Ví dụ: - Con thích lắm!

- Mai ơi, tớ rất quý cậu!

- Con ơi, rót nước giúp mẹ nhé!

Biết sử dụng dấu câu cũng sẽ giúp các em viết đoạn văn hay hơn, các câu rõ nghĩa hơn.

Giải pháp 5: Rèn kĩ năng diễn đạt đoạn văn

Để chủ động hơn khi tập viết các đoạn văn kể, miêu tả ngắn, giáo viên cần hướng dẫn các em trình tự các bước khi viết một đoạn văn:

- Viết câu mở đầu: Giới thiệu đối tượng cần viết (có thể diễn đạt bằng một câu).

- Phát triển đoạn văn: Kể về đối tượng: có thể dựa theo gợi ý, mỗi gợi ý có thể diễn đạt bằng một hoặc hai câu tùy theo năng lực học sinh.

- Câu kết thúc: có thể viết một câu thường là nói về tình cảm, suy nghĩ, mong ước của em về đối tượng được nêu trong bài hoặc nêu ý nghĩa, ích lợi đối tượng đó với cuộc sống, với con người.

Giáo viên cho các bài tập để học sinh vận dụng trình tự các bước làm trên sắp xếp các câu phù hợp để thành một đoạn văn.

Ví dụ: Hãy sắp xếp các câu văn dưới đây thành một đoạn văn tả con gấu bông:

+ *Chú gấu bông của em có bộ lông màu nâu nhạt.*

+ Điều đặc biệt của chú là khi ấn vào nút ở sau lưng, bài hát Chúc mừng sinh nhật sẽ vang lên.

+ Em rất thích chú gấu bông mà bố tặng cho em.

+ Em sẽ giữ gìn chú thật cẩn thận.

+ Vào dịp sinh nhật 6 tuổi, bố tặng em một con gấu bông dễ thương.

Ví dụ 2: Hãy sắp xếp các câu văn dưới đây cho hợp lí thành một đoạn văn.

+ Thấy cô giáo và các bạn, Hà vui lắm.

+ Cô giáo ân cần hỏi thăm Hà, các bạn thì kể cho Hà nghe những chuyện trên lớp.

+ Biết Hà bị ốm, cô giáo và các bạn lớp 2A đến thăm em.

+ Dù đang mệt nhưng Hà vẫn ngồi dậy nói chuyện với mọi người.

Khi các em hiểu trình tự các bước khi viết một đoạn văn, biết sắp xếp các câu văn theo trình tự hợp lí đó cũng chính là cảm nang giúp các em vận dụng viết đoạn văn.

Giải pháp 6: Rèn kĩ năng viết đoạn văn:

Những hiểu biết, trải nghiệm được tích lũy, những kiến thức tiếng Việt được trang bị là công cụ giúp học sinh viết đoạn văn ở cuối mỗi bài lớn.

Để giúp các em có kĩ năng viết đoạn văn ngắn, giáo viên cần giúp học sinh biết được quy trình viết bằng cách:

- Yêu cầu học sinh đọc kĩ đề bài và xác định nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: *viết về cái gì?*

- Nêu được cấu trúc viết dạng bài đó như thế nào?

- Cho học sinh làm việc cá nhân rồi trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm, chia sẻ trước lớp, sau đó học sinh thực hành viết dựa trên thông tin và ý tưởng được chuẩn bị. Trước khi viết giáo viên cho học sinh lập dàn ý bằng cách hướng dẫn các em điền những thông tin, ý tưởng đã được chuẩn bị (làm việc cá nhân, làm việc nhóm) vào mẫu cho sẵn. Học sinh chỉ cần viết ra dưới hình thức các từ ngữ ngắn gọn, chưa phải viết thành câu.

Ví dụ : Dàn ý: *Giới thiệu một món đồ chơi.*

+ Tên gọi của món đồ chơi: *búp bê, ô tô, ...*

+ Miêu tả đôi nét về món đồ chơi: *hình dáng, màu sắc, ...*

+ Cảm nhận về món đồ chơi: *thích thú, trân trọng, ...*

Ví dụ : Dàn ý: *Kể về một giờ ra chơi:*

+ Địa điểm: *Sân trường, trong lớp, ...*

+ Các hoạt động: *đá cầu, nhảy dây, đọc sách, ...*

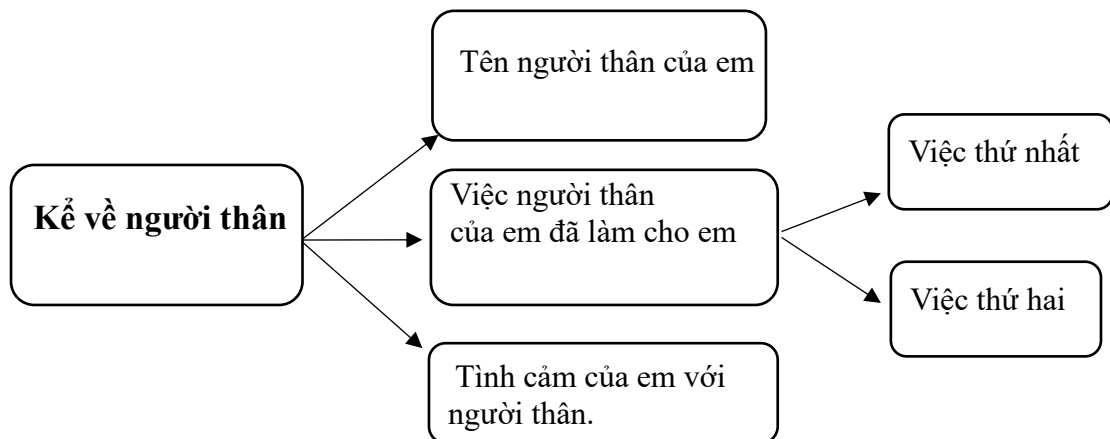
+ Cảm nhận sau mỗi giờ ra chơi: *vui vẻ, thích thú, sáng khoái, ...*

Ví dụ : Dàn ý: Công việc em đã làm cùng người thân:

- + Thời gian: cuối tuần, Tết, ...
- + Địa điểm: Trong nhà, chợ hoa, vườn cây, ...
- + Công việc: nấu cơm, dọn dẹp, mua sắm, ...
- + Công việc diễn ra như thế nào: dùng các từ: đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng, ...
- + Cảm nhận sau khi làm xong: vui vẻ, hạnh phúc, ...
- Từ dàn ý đã lập, các em thực hành viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ. Sau đó học sinh viết đoạn văn trọn vẹn.
- Hoặc ở mỗi dạng bài, giáo viên có thể lập sơ đồ tư duy để giúp học sinh nhớ được các bước làm. Qua đó các em biết liên kết, xâu chuỗi các câu trong đoạn văn, giúp học sinh ghi nhớ kiến thức một cách logic.

Ví dụ: Tuần 14: Viết 3 – 4 câu kể một việc người thân đã làm cho em.

- + GV hướng dẫn HS đọc đề bài, xác định bài yêu cầu viết cái gì? (kể về 1 sự việc.)
- + Hướng dẫn HS cấu trúc viết đoạn văn kể về người thân.



+ Hướng dẫn HS làm việc theo nhóm để kể về một việc người thân đã làm cho em (luyện nói). Sau đó yêu cầu học sinh nói trước lớp để các bạn và cô giáo nhận xét, sửa chữa một số lỗi (nếu có) để các em rút kinh nghiệm trước khi viết vào vở, tạo cơ hội cho các em khác học tập.

+ Yêu cầu HS thực hành viết vở, GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn, phát hiện kịp thời những lỗi để các em sửa chữa.

+ GV gọi HS đọc bài làm của mình. Cả lớp nhận xét, góp ý bổ sung về câu, từ, cách diễn đạt ...

+ GV hướng nhận xét, hướng dẫn cách nói về tình cảm của em:

Chẳng hạn: *Em rất yêu mẹ của em./ Mỗi khi mẹ vắng nhà, em rất nhớ mẹ./ Em mong hè đến nhanh để về quê với ông bà. / ...*

- Giáo viên cần hướng dẫn học sinh liên kết các câu văn bằng những từ ngữ như: *và, thì, vậy là, ...* Đối với dạng bài kể, thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia có thể dùng các từ: *đầu tiên, sau đó, tiếp theo, cuối cùng* để liên kết các câu trong đoạn văn. Tránh lặp lại từ nhiều lần bằng cách thay những từ có nghĩa tương tự.

Với mỗi nội dung cần viết, giáo viên cần hướng dẫn kĩ để học sinh biết được cách làm. Nhờ đó, các em có kĩ năng viết đoạn văn, có nhiều bài viết sáng tạo. Việc rèn cho học sinh viết đoạn văn cần tạo điều kiện phát huy tính tích cực chủ động của học sinh, phải làm sao mỗi đoạn văn là một cơ hội sáng tạo cho học sinh thâm nhập quan sát, phân tích từ thực tế, giáo viên cần hướng dẫn học sinh chuẩn bị thật tốt các tiết học trước khi lên lớp.

(Xem thêm minh chứng 2: Một số đoạn văn của học sinh)

Giải pháp 7: Phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, sáng tạo

Để giờ học đạt hiệu quả cao, giáo viên cần đa dạng các hình thức tổ chức dạy học và vận dụng phù hợp từng bài học. Trong một tiết học có thể bài tập này tổ chức theo nhóm hoặc cá nhân, bài tập khác tổ chức dưới dạng trò chơi, giải đố ... Giáo viên cần khuyến khích học sinh tham gia vào những hoạt động có tính tương tác và coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học và trưởng thành. Hoạt động tương tác chủ yếu với học sinh lớp 2 là trao đổi nhóm, cùng tham gia hoàn thành một nhiệm vụ nó giúp học sinh phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kĩ năng xã hội một cách hiệu quả. Trong khi học sinh làm việc nhóm, giáo viên cần quan sát và dành thời làm việc với những học sinh hay nhóm học sinh cần hỗ trợ.

Trong dạy học môn Tiếng Việt, giáo viên cần sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học sao cho linh hoạt và sáng tạo, phù hợp với nội dung mỗi bài dạy, mỗi tiết học để phát triển năng lực học tập, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của học sinh. Giáo viên cần sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Tiếng Việt như: phương pháp quan sát, phương pháp kể chuyện, phương pháp đàm thoại, trò chơi, thảo luận nhóm Trong đó kĩ năng quan sát rất cần thiết khi viết văn. Quan sát trên lớp theo gợi ý, hướng dẫn của giáo viên hoặc tự quan sát khi chuẩn bị bài ở nhà. Giáo viên cần khai thác kĩ tranh ảnh, hình ảnh, tập trung quan sát đặc điểm nổi bật của đối tượng, mục đích là giúp học sinh tránh được liệt kê. Bên cạnh đó, giáo viên

cũng cần hướng dẫn học sinh cách quan sát bằng các giác quan để cảm nhận một cách có cảm xúc về sự vật.

Ví dụ: Tuần 22: Bài 8 (tiết 5): *Luyện tập: Viết đoạn văn kể lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia nơi em sống.*

Để kể được một sự việc em đã chứng kiến hoặc tham gia ở nơi em sống, trước hết giáo viên cần hướng dẫn học sinh quan sát bức tranh ở bài 1 và trả lời câu hỏi:

- + *Bức tranh vẽ cảnh gì?*
- + *Mọi người đang ở đâu ?*
- + *Từng người làm công việc gì?*
- + *Em có suy nghĩ gì về việc làm của mọi người?*



- Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 2 rồi các nhóm chia sẻ tập nói liên mạch trước lớp, các bạn nhận xét.

- Sau đó giáo viên hướng dẫn HS đọc đoạn văn tham khảo ở sách giáo khoa:

“Trên nương, mỗi người một việc. Người lớn đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Малыш bé bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ tra ngô. Các em bé ngủ khi trên lưng mẹ.”

(Theo Tô Hoài)

Rồi GV yêu cầu học sinh nhận xét cách kể của tác giả:

- + *Đoạn văn đó có mấy câu?*
- + *Thứ tự các câu tác giả kể như thế nào?*

Qua việc quan sát, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi, học sinh, rồi tham khảo đoạn văn viết của tác giả, các em biết cách kể một sự việc được chứng kiến, thuận lợi cho bài tập 2: *Viết từ 3 – 5 câu kể về một sự việc em đã chứng kiến hoặc tham gia ở nơi em sống.*

Việc sử dụng các phương pháp dạy học linh hoạt, sáng tạo phù hợp với từng bài học giúp học sinh sẽ hiểu và biết vận dụng vào thực tế bài làm của mình.

(Xem thêm Minh chứng 3)

Giải pháp 8 : Theo dõi quá trình tiến bộ của học sinh

Giáo viên cần thực hiện nghiêm túc việc chấm và chữa bài. Đây là việc làm hết sức cần thiết. Học sinh lớp 2 chưa được học và luyện tập nhiều về từ ngữ, ngữ pháp, chắc chắn trong bài viết của các em sẽ có nhiều lỗi sai. Trong quá trình chấm bài, giáo viên phát hiện, nhận xét chi tiết bài viết của học sinh và đặc biệt chú ý là không được chê bai những em viết câu văn chưa diễn đạt rõ nghĩa, không biết viết đoạn văn. Thầy cô cần giúp học sinh nhận ra lỗi sai để điều chỉnh, sửa chữa, hoàn chỉnh bài văn, hướng dẫn các em lựa chọn, thay thế các từ ngữ cho phù hợp. Đối với những bài làm có ý hay, giáo viên giúp học sinh gọt giũa, trau chuốt thêm cho bài văn được hay hơn. Thầy cô phải luôn luôn động viên, khuyến khích để các em có niềm tin trong học tập, chú ý khen ngợi những học sinh có tiến bộ dù cho đó là những tiến bộ nhỏ để tạo sự hứng thú và tích cực cho những bài viết sau.

Ngoài ra, giáo viên đọc những bài viết hay trước lớp để học sinh khác học tập và rút kinh nghiệm, có thể giới thiệu những bài làm hay ở năm học trước, cho các em tham khảo. Qua đó học sinh nhận thấy sự khác nhau về cách diễn đạt trong cùng một đề tài để các em hiểu rằng những bài làm thể hiện suy nghĩ độc lập của cá nhân luôn được khích lệ và tôn trọng.

Để biết được sự tiến bộ của học sinh, tôi đã ghi chép vào sổ nhật ký các biểu hiện của học sinh hàng ngày, đánh giá qua từng hoạt động, qua từng bài học, qua các sản phẩm học tập của học sinh, đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì. Hết mỗi mảng kiến thức tôi thường ra đề khảo sát để đánh giá sự tiến bộ của các em đồng thời phát hiện những lỗ hổng kiến thức học sinh để kịp thời bồi dưỡng. Tôi thường xuyên trao đổi với phụ huynh để gia đình cùng phối hợp với giáo viên giúp đỡ các em, nhất là những em hạn chế về năng lực, những em năng khiếu để có kế hoạch bồi dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Kết quả sau khi áp dụng sáng kiến tại đơn vị:

Sau khi áp dụng 8 giải pháp trên với lớp 2C trong năm học 2023-2024 (từ tháng 9 đến tháng 4), tôi nhận thấy các em có tiến bộ rõ rệt khi viết đoạn văn. Các em đã biết viết câu văn đủ ý, đoạn văn mạch lạc, biết diễn đạt cảm xúc của mình, nhiều em viết được đoạn văn hay, sáng tạo. Đặc biệt không sợ viết văn mà đã tích cực, chủ động học tập. Kết quả kiểm tra khảo sát môn Tiếng Việt đánh giá bằng điểm số sau khi thực hiện cho thấy lớp 2C đạt kết quả cao hơn so với đầu năm và cao hơn hẳn so với lớp 2A và 2B chưa được áp dụng các giải pháp trên.

Kết quả đạt được bằng điểm số:

Lớp	Tổng số HS	điểm 9,10		điểm 7,8		điểm 5,6		điểm dưới 5	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2A	26	5	19,2	7	26,9	13	50,0	1	3,8
2B	27	5	18,5	8	29,6	13	48,2	1	3,7
2C	30	15	50,0	13	43,3	2	6,7	0	0

Sân chơi Vioedu Tiếng Việt cấp huyện, lớp 2C đã có 2 học sinh tham gia dự thi. Kết quả cả 2 em được Ban tổ chức Đấu trường Vioedu trao giải Bạc, huyện xếp 2 em đạt giải Ba. Có được kết quả trên là nhờ sự nỗ lực phấn đấu của cả thầy và trò, điều đó khẳng định các giải pháp tôi áp dụng có hiệu quả.

4. Hiệu quả của sáng kiến:

4.1. Hiệu quả về khoa học:

Trong học tập, viết văn hay giúp người học truyền đạt ý kiến, suy nghĩ và ý tưởng của mình một cách rõ ràng và chính xác. Viết văn hay cũng giúp học sinh tăng cường kỹ năng tư duy và phát triển khả năng suy luận của mình. Kỹ năng viết đoạn văn của tôi đã góp phần giúp các em phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực giao tiếp, là tiền đề để các em làm tốt các bài văn ở các lớp trên.

4.2. Hiệu quả về kinh tế:

Hiện tại mặc dù hiệu quả kinh tế trực tiếp của sáng kiến rất khó đánh giá về định lượng cụ thể. Nhưng viết văn hay sẽ có tác dụng khi các em trưởng thành. Nếu tìm kiếm việc làm, viết văn hay cũng có thể giúp các em ghi điểm với nhà tuyển dụng và có được công việc mong muốn. Trong kinh doanh thì viết văn hay sẽ giúp các em truyền đạt thông tin quan trọng về sản phẩm hoặc dịch vụ của mình một cách dễ dàng và thu hút sự chú ý của khách hàng. Khi khách hàng hiểu rõ hơn về sản phẩm hoặc dịch vụ của bạn, họ sẽ có xu hướng mua hàng và trở thành khách hàng trung thành của mình. Còn nếu là chủ doanh nghiệp, viết văn hay có thể giúp các em thu hút sự chú ý của khách hàng tiềm năng và tăng doanh số bán hàng.

4.3. Hiệu quả về xã hội:

Viết văn hay giúp ta truyền đạt thông điệp của mình một cách rõ ràng và hiệu quả hơn. Khi ta viết văn hay, đối tượng đọc sẽ dễ dàng hiểu ý của mình và giữ được sự chú ý của họ. Điều này cực kỳ quan trọng trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt khi bạn cần thuyết phục người khác về quan điểm của mình hoặc truyền đạt thông tin quan trọng.

5. Tính khả thi :

Sau khi áp dụng sáng kiến, tôi đã thu được kết quả khả quan. Theo tôi, sáng kiến này không chỉ áp dụng cho lớp 2 ở các trường tiểu học mà còn có thể áp dụng cho các lớp trên.

6. Thời gian thực hiện sáng kiến: Năm học 2023 – 2024. *Cụ thể:*

+ Tháng 9 đến tháng 4: Thực hiện sáng kiến.

+ Tháng 5: Hoàn thiện sáng kiến.

7. Kinh phí thực hiện sáng kiến: Kinh phí để thực hiện sáng kiến rất ít.**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT****1. Đối với giáo viên:**

- Giáo viên cần tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho mình bằng nhiều hình thức: học hỏi đồng nghiệp, nghiên cứu tài liệu, sách, báo, ... để trau dồi kiến thức chuyên môn ; vận dụng sáng tạo, mạnh dạn đổi mới phương pháp và hình thức dạy học để giờ học đạt hiệu quả cao.

- Chương trình là thống nhất toàn quốc, sách giáo khoa là học liệu - cũng có thể là học liệu đặc biệt nhưng mỗi giáo viên cần sử dụng sách giáo khoa một cách chủ động, không lệ thuộc - đó là công cụ. Chúng ta sẵn sàng sử dụng các bộ sách giáo khoa khác, các ngữ liệu khác, bài tập khác một cách linh hoạt để giờ học đạt hiệu quả.

- Giáo viên cần quan tâm nhiều hơn đến học sinh để biết kiến thức nào các em còn hạn chế từ đó tìm biện pháp dạy học cho phù hợp để nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Đối với nhà trường:

- Nhà trường cần trang bị thêm tài liệu giúp giáo viên có tài liệu tham khảo qua đó nâng cao chất lượng dạy-học.

- Các nhà trường cần tổ chức những buổi phổ biến những kinh nghiệm hay để giáo viên học tập.

Trên đây là một số giải pháp giúp học sinh viết đoạn văn mà tôi đã áp dụng trong năm học 2023-2024. Tôi rất mong được Hội đồng sáng kiến, đồng nghiệp, bạn đọc góp ý, bổ sung để sáng kiến được hoàn thiện hơn.

Tôi xin cam đoan sáng kiến này là do chính tôi đã nghiên cứu và trình bày, không sao chép của người khác. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)

Ba Vì, ngày 6 tháng 5 năm 2024
Người viết sáng kiến
(ký tên)

Phùng Thị Minh Hoa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GD&ĐT
2. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học của tác giả Lê Phương Nga – Đặng Kim Nga.
3. Các hướng dẫn thiết kế bài giảng, cách sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên Internet.

MINH CHỨNG CHO CÁC BIỆN PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

Minh chứng 1: Kết quả khảo sát bằng điểm số trước khi thực hiện sáng kiến:

ĐỀ KHẢO SÁT MÔN TIẾNG VIỆT

A. KIỂM TRA ĐỌC:

1. Đọc thành tiếng (7 điểm) Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

Bàn tay mẹ

Bình yêu nhất là đôi bàn tay mẹ. Hằng ngày đôi bàn tay của mẹ phải làm biết bao nhiêu là việc.

Đi làm về, mẹ lại nấu cơm. Mẹ còn tắm cho em bé, giặt một chậu tã lót đầy.

Bình yêu lắm đôi bàn tay rúm nắng, các ngón tay gầy gầy xương xương của mẹ.

Câu hỏi: *Hàng ngày đôi bàn tay của mẹ làm những việc gì?*

2. Đọc hiểu (3 điểm): Đọc bài sau :

Hoa ngọc lan

Ở ngay đầu hè nhà bà em có một cây hoa ngọc lan. Thân cây cao, to, vỏ bạc trắng. Lá dày cỡ bằng bàn tay, xanh thẫm.

Hoa lan lấp ló qua kẽ lá. Nụ hoa xinh xinh, trắng ngần. Khi hoa nở, cánh xòe ra duyên dáng. Hương lan ngan ngát, tỏa khắp vườn, khắp nhà.

Vào mùa lan, sáng sáng, bà thường cài một búp lan lên mái tóc em.

Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm): *Cây hoa ngọc lan nhà bà em được trồng ở đâu?*

- a. Trồng ở sau vườn b. Trồng ở đầu hè c. Trồng ở giữa sân

Câu 2 (0,5 điểm): *Nụ hoa lan màu gì?*

- a. Màu bạc trắng b. Màu xanh thẫm c. Màu trắng ngần

Câu 3 (1 điểm): *Hương hoa lan thơm như thế nào?*

- a. Hương lan thơm nồng nàn
b. Hương lan thơm ngan ngát
c. Hương lan thơm sực nức

Câu 4 (1 điểm): *Em thích trồng những loại cây gì?*

.....

..

B. KIỂM TRA VIẾT:**Câu 1:** Viết bài sau: (7 điểm)

Mẹ
 Lặng rồi cả tiếng con ve
 Con ve cũng mệt vì hè nắng oi
 Nhà em vẫn tiếng ả òi
 Kéo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru...

Câu 2 : (2 điểm)

a) Điền x hay s ?

.....ôi gác ; nướcôi ;

b) Điền âm đầu vào chỗ trống để được từ viết đúng chính tả.

bứcanh ;ia đình

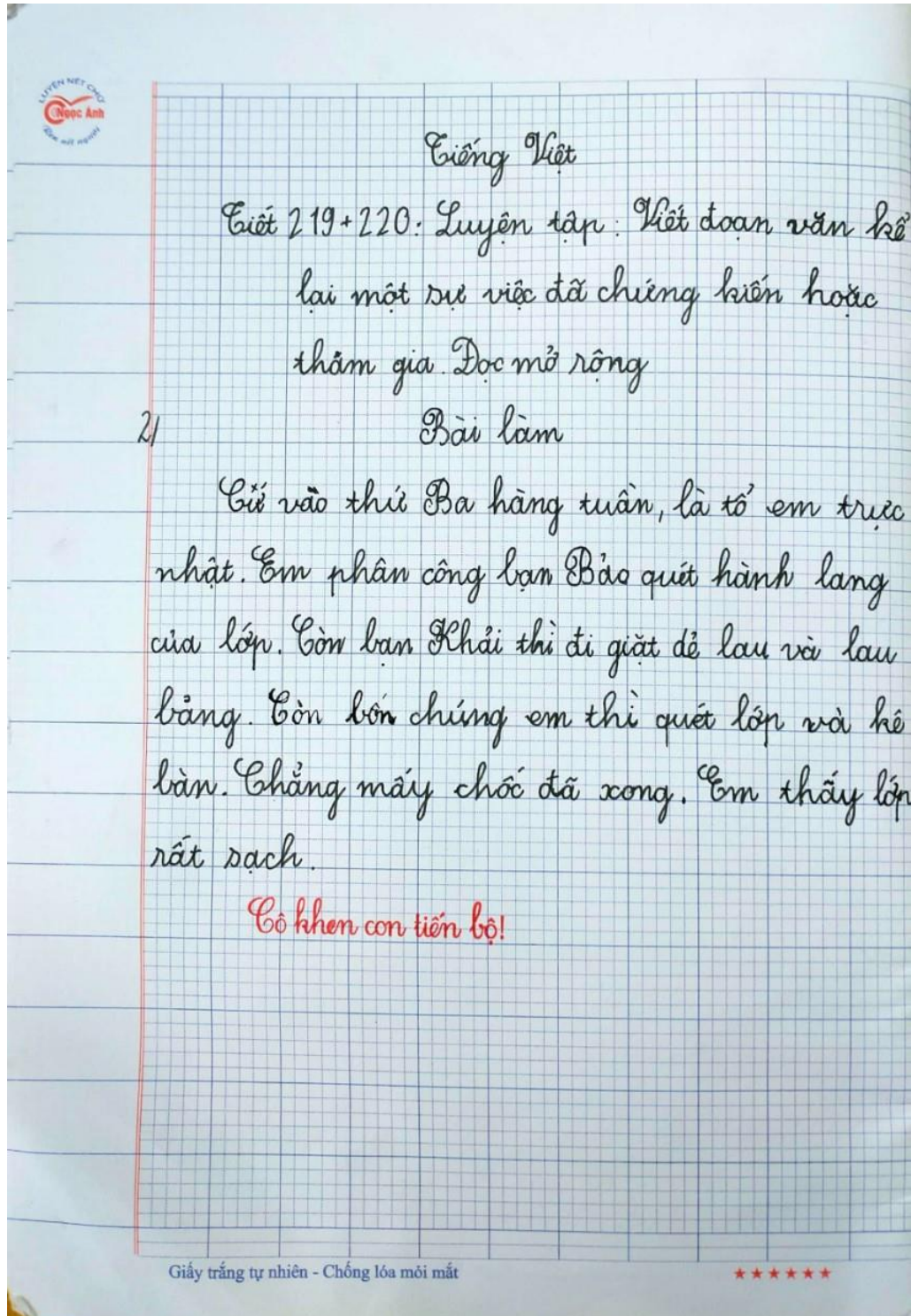
Câu 3: (1 điểm)

Viết 2 câu kể về một người bạn của em.

—

KẾT QUẢ KHẢO SÁT MÔN TIẾNG VIỆT

Môn	Lớp	Tổng số HS	điểm 9,10		điểm 7,8		điểm 5,6		điểm dưới 5	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	2A	26	1	3,8	10	38,5	9	34,6	6	23,1
	2B	27	1	3,7	10	37,0	11	40,8	5	18,5
	2C	30	2	6,7	9	30,0	12	40	7	23,3

Minh chứng 2: Một số bài viết của học sinh



Tiếng Việt

Tiết 22 & 230: Luyện tập: Mở rộng vốn từ về muôn thú; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than. Viết đoạn văn giới thiệu tranh ảnh về một con vật. Đọc mở rộng

Đề bài: Viết 3-5 câu giới thiệu tranh(ảnh) về một con vật em yêu thích.

Bài làm

Em nhìn thấy tranh ảnh của con hươu sao, ở *gi* sách dào khoa Tiếng Việt. Con hươu sao trong ảnh đang uống nước. Thân của nó có những cái đốm trắng như những ngôi sao. Con hươu có cả một da đôi sừng như những cành cây khô. Em rất thích bức tranh này.

Con làm bài tốt nhưng cần chú ý viết đúng từ "giáo" nhé!



Tiếng Việt

Tiết 239+240: Luyện tập: Mở rộng vốn từ về vật nuôi; Câu nêu đặc điểm của các loài vật.

Viết đoạn văn kể về hoạt động của con vật

Đọc mở rộng

Đề bài: Viết 3-5 câu kể lại hoạt động của một con vật mà em quan sát được.

Bài làm

Con mèo nhà em bắt chuột rất giỏi. Mỗi ngày, nó đều bên cạnh thùng thóc để dình chuột. Chuột đi đến gần thùng thóc, thì mèo ta vồ ra và bắt chuột, chuột chỉ kêu được một tiếng: "Chít"! Từ ngày có chú mèo này mà lũ chuột đã được tiêu diệt. Em rất thích chú mèo này. Chính thoảng, em lại thưởng cho nó một con cá nường.

Con làm bài tốt, cô khen!





Viết

Viết 239 + 240: Luyện tập. Viết đoạn văn về hoạt động của con vật.

Đọc mở rộng.

11

Bài làm

Nhà em nuôi một con chó nó tên là Côm. Nó đã ở nhà em từ rất lâu. Dáng nó rất to. Mắt nó tròn như hai hòn bi ve, cái mõm nó chìa lên rất đẹp. Hằng ngày nó trông nhà giúp em rất giỏi. Có ai vào thì nó sủa gâu gâu. Em rất yêu quý nó.

Cô khen! 



Giếng Việt

Biết 279 + 280 : Luyện tập : viết đoạn văn giới thiệu đồ dùng học tập . Đọc mở rộng.

Đầu năm học, mẹ mua cho một chiếc thước kẻ. Chiếc thước kẻ có màu trắng sữa. Trên thước kẻ có những đường kẻ từ 1 cm đến 20 cm. Cái thước của em là nhãn hiệu Hồng Hà. Chiếc thước kẻ giúp em kẻ bài. Em rất thích chiếc thước này. Lúc nào em dùng xong xong, em đều cất nó vào cặp.

Cô khen con tiến bộ!



Tiếng Việt

Tiết 289 + 290 Luyện tập: Mở rộng vốn từ về
giao tiếp, kết nối; Dấu chấm, dấu hỏi.

Viết đoạn văn tả một đồ dùng trong gia đình

Đọc mở rộng

Đề bài: Viết 4-5 câu tả một đồ dùng trong gia đình
em

Bài làm

Nhà em có một chiếc tủ lạnh. Đó là chiếc tủ bố
em mua từ năm ngoái. Chiếc tủ lạnh cao quá đầu
em. Chiếc tủ có màu đen. Tủ lạnh nhà em có hai ngăn.
Ngăn trên là ngăn đá, ngăn dưới là ngăn mát.
Ngăn trên mẹ em để thịt, ngăn dưới em để rau, củ, quả.
Em rất thích chiếc tủ lạnh này. Chính ~~tham~~ thoải
em lại ~~lau~~ chùi tủ cẩn thận để tủ dùng được bền lâu.

Cô khen! 

★★★★★



Tiếng Việt

Tiết 299+300: Viết lời cảm ơn các chú
bộ đội hải quân.

Bài làm

Cháu xin kính chào các chú bộ đội hải quân Việt Nam! Cháu tên là Bảo An, học sinh lớp 2C, trường Tiểu học Phú Thưởng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Cháu cảm ơn các chú đã ngày đêm canh giữ biển đảo của Tổ quốc cho chúng cháu được học hành yên vui dưới mái trường. Cháu kính chúc các chú mạnh khỏe, hạnh phúc!

Cô khen con làm bài tốt!



Tiếng Việt

Tiết 309+310: Luyện tập: Viết đoạn văn
kể một sự việc. Đọc mở rộng

2. Viết 5-6 câu kể về việc Bác Hồ trồng cây đa
con.

Em muốn kể về việc Bác Hồ trồng cây
đa bằng chiếc rễ đa Dầu tiên, Bác cuốn
chiếc rễ thành một vòng tròn. Tiếp theo, Bác
vùi hai đầu rễ xuống đất, để hai đầu rễ thẳng
thì Bác lấy hai thanh gỗ buộc vào hai đầu
rễ. Nhiều năm sau, chiếc rễ đã lớn và thành
cây đa con có vòng lá tròn. Em rất kính yêu
Bác Hồ.

Cô khen con làm bài tốt!

Minh chứng 3: Minh họa kế hoạch dạy học (một tiết viết đoạn văn) phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, sáng tạo
Tiếng Việt

Tiết 239: Luyện tập: Viết đoạn văn kể về hoạt động của con vật.

I. Yêu cầu cần đạt:

- Học sinh viết được đoạn văn 3-5 câu kể lại hoạt động của một con vật mà em quan sát được.
- Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ và năng lực văn học trong việc miêu tả.
- Bồi dưỡng tình yêu với loài vật, biết bày tỏ tình cảm của mình với con vật đó.

II. Đồ dùng dạy học: - GV: video bài hát: Chú mèo con, tranh con gấu.

- HS: Vở

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của GV

1. Khởi động:

- Cho cả lớp hát theo nhạc bài: *Chú mèo con*
- Trả lời câu hỏi:
 - + *Kể tên con vật được nhắc tới trong bài?*
 - + *Chú mèo trong bài hát có đặc điểm gì?*
 - + *Chú mèo biết làm gì?*

- Cho HS quan sát tranh (con gấu) và hỏi:
 - + *Đây là con gì? Em biết gì về chúng?*
- GV nhận xét, dẫn vào bài.

2. Khám phá:

*** Hoạt động 1: Tìm hiểu đoạn văn.**

Bài 1: Đọc đoạn văn và kể lại hoạt động của nhà gấu vào mùa xuân, mùa thu và mùa đông

- Gọi học sinh nêu yêu cầu của bài.
- Hướng dẫn HS đọc đoạn văn
- Yêu cầu HS kể lại hoạt động của nhà gấu theo gợi ý sau:
 - + *Mùa xuân, nhà Gấu làm gì?*
 - + *Mùa thu, nhà Gấu đi đâu?*
 - + *Tại sao suốt bà tháng rét, nhà gấu không đi kiếm ăn?*
- GV gọi HS lên thực hiện.
- GV và HS nhận xét.
- GV khắc sâu thêm cách viết đoạn văn của tác giả:
 - + *Đoạn văn trên có mấy câu?*
 - + *Tác giả kể về con gì? ở đâu?*
 - + *Kể về điều gì? Kể theo trình tự thế nào?*
 - + *Viết với tình cảm thế nào?*

Hoạt động của HS

- HS hát bài: *Chú mèo con*
- HS trả lời:
 - + *Bài hát nói về chú mèo con.*
 - + *Chú có bộ lông trắng tinh,....*
 - + *Chú mèo bắt chuột nhanh thoăn thoắt...*
- HS trả lời theo hiểu biết của mình

- HS nêu yêu cầu của bài.
- 1-2 HS đọc đoạn văn trước lớp, cả lớp đọc thầm.
- HS làm việc nhóm 4

- Đại diện 2-3 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác nhận xét.
- Học sinh nối tiếp nhau trả lời.

3. Luyện tập:**Hoạt động 2: Viết đoạn văn.**

Bài 2: Viết 3 - 5 câu kể lại hoạt động của một con vật mà em quan sát được.

- Yêu cầu HS làm việc nhóm : nói 3 – 5 câu nói về hoạt động của một con vật em quan sát được theo gợi ý :

+ *Em muốn kể về con vật nào?*

+ *Em đã được quan sát kĩ con vật đó ở đâu?*

Khi nào?

+ *Kể lại những hoạt động của con vật đó?*

+ *Nêu nhận xét của em về con vật đó?*

- GV gọi HS nói trước lớp.

- Gọi HS nhận xét phần trình bày của.

- GV nhận xét, sửa cho HS về cách dùng từ, diễn đạt, ...

- GV hướng dẫn HS lập dàn ý:

+ *Tên con vật: chó, gà, ...*

+ *Nơi ở của con vật: nhà em, hàng xóm, ...*

+ *Miêu tả một vài hoạt động của con vật: vẫy đuôi rồi rít, sủa gâu gâu, ...*

+ *Nhận xét của em: yêu quý, đáng yêu, thân thiết, ...*

- Dựa trên kết quả nói và dàn ý đã lập, yêu cầu học sinh viết thành đoạn văn.

* Lưu ý: mỗi câu trong đoạn tương ứng với câu trả lời cho các câu hỏi gợi ý ở phần nói. Trật tự sắp xếp mỗi câu trong đoạn cũng nên theo thứ tự các câu hỏi.

- Gọi HS đọc bài làm của mình.

- GV nhận xét, chữa cách diễn đạt.

4. Vận dụng :

-Cho HS nêu lại nội dung bài học

- Vận dụng: Viết đoạn văn kể về hoạt động một con vật nuôi mà em thích.

-Nhận xét giờ.

- 1-2 HS đọc YC.

- HS làm việc nhóm 2: nói 3 – 5 câu nói về hoạt động của một con vật em quan sát được.

- 2-3 HS nói trước lớp.

- HS khác nhận xét bạn.

- HS nối tiếp trả lời từng ý.

- HS làm bài.

- HS chia sẻ bài.

-HS chia sẻ.

IV. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có) :

